TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/DS-ST
Ngày: 24/01/2019
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản giữa Ngân hàng S và ông Đ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thanh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Vũ Thị Hiệp;

2/ Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thùy Vân – Thư ký Toà án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dịu Thùy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24/01/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 405/2018/TLST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2018 về việc: "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 597/2018/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2019/QĐST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S (Ngân hàng S)

Trụ sở: Lầu 8, 266-268 đường N, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Trường T, sinh năm 1994 – Chức vụ: Nhân viên Ngân hàng TMCP S (Theo Giấy ủy quyền số 878/2018/UQ-TTT ngày 08/6/2018 và Giấy ủy quyền số 269/2019/UQ-TTT ngày 03/01/2019) – Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Bùi Ngọc Đ, sinh năm 1973 – Vắng mặt.

Thường trú: 76A đường T, phường H, quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, phía nguyên đơn Ngân hàng TMCP S (tên gọi tắt là Ngân hàng S) do ông Phạm Trường T đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 29/11/2007, ông Bùi Ngọc Đ có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng; bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng đề nghị Ngân hàng TMCP S cấp thẻ tín dụng quốc tế Visa. Căn cứ thu nhập của ông Đ, Ngân hàng TMCP S đã đồng ý cấp thẻ tín dụng quốc tế Visa cho ông Đ với hạn mức sử dụng là 12.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, thời hạn sử dụng thẻ: 03 năm kể từ ngày phát hành thẻ, lãi suất hai bên thỏa thuận là 2,15%/tháng, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Đ đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 98.012.472 đồng, đã thanh toán cho Ngân hàng S tổng số tiền là 124.535.000 đồng gồm: 14.153.016 đồng tiền phí, 24.889.215 đồng lãi trong hạn và 85.492.769 đồng vốn gốc, còn nợ 12.519.703 đồng vốn gốc. Từ ngày 26/9/2016, ông Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 24/01/2019, ông Bùi Ngọc Đ còn nợ Ngân hàng TMCP S tổng số tiền là 23.973.312 đồng (hai mươi ba triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn ba trăm mười hai đồng), trong đó: nợ gốc là 12.519.703 đồng, nợ lãi quá hạn là 11.453.609 đồng.

Do bị đơn đã trễ hạn thanh toán nên Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu ông Bùi Ngọc Đ phải thanh toán ngay một lần khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật tổng số tiền còn nợ là 23.973.312 đồng (hai mươi ba triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn ba trăm mười hai đồng). Đồng thời, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S chỉ cho cá nhân ông Bùi Ngọc Đ vay tiền, không liên quan đến người khác, do đó nguyên đơn chỉ yêu cầu cá nhân ông Đ có trách nhiệm trả cho ngân hàng số tiền còn nợ nêu trên.

Phía bị đơn là ông Bùi Ngọc Đ đã được Tòa án triệu tập đến Tòa án để trình bày ý kiến về việc nguyên đơn khởi kiện và tiến hành hòa giải nhưng ông Đ cố tình vắng mặt không có lý do cũng không có văn bản ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải, công khai chứng cứ được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S do ông Phạm Trường T đại diện theo ủy quyền vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc ông Bùi Ngọc Đ phải thanh toán ngay một lần khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp

luật tổng số tiền còn thiếu tính đến ngày 24/01/2019 là 23.973.312 đồng (hai mươi ba triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn ba trăm mười hai đồng), trong đó: Nợ gốc là 12.519.703 đồng, nợ lãi quá hạn là 11.453.609 đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 25/01/2019 cho đến khi ông Đ thanh toán xong toàn bộ khoản nợ trên số nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 29/11/2007giữa Ngân hàng TMCP S và ông Bùi Ngọc Đ.

Bị đơn là ông Bùi Ngọc Đ vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, tại phiên tòa bị đơn ông Bùi Ngọc Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai nên Tòa án xét xử vắng mặt là đúng theo quy định pháp luật. Qua kiểm sát hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, căn cứ vào các Điều 463, 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng Việt Nam năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 về việc chấp hành pháp luật tố tụng và nội dung của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1]-Thẩm quyền loại việc: Ngân hàng TMCP S (Ngân hàng S) khởi kiện ông Bùi Ngọc Đ yêu cầu thanh toán tiền vay theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 29/11/2007. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc tranh chấp dân sự: "Hợp đồng dân sự vay tài sản".

[2]-Thẩm quyền theo lãnh thổ: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S có đơn khởi kiện bị đơn ông Bùi Ngọc Đ có hộ khẩu thường trú tại số 76A đường T, phường H, quận S, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3]-Thời hiệu khởi kiện vụ án: Căn cứ vào thời điểm ông Bùi Ngọc Đ ngừng thanh toán các khoản tiền theo thỏa thuận cho Ngân hàng TMCP S bắt đầu vào ngày 26/9/2016. Đến ngày 08/6/2018, Ngân hàng TMCP S có đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân dân Quận 6. Thời hiệu khởi kiện đối với hợp đồng dân sự được xác định là 03 năm kể từ ngày quyền và lợi ích bị xâm phạm theo quy định tại Điều

429, 688 Bộ luật dân sự 2015 nên việc khởi kiện vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện.

[4] Bị đơn ông Bùi Ngọc Đ đã được Tòa án tống đạt, triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông Đ vắng mặt không có lý do cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Như vậy, ông Đ đã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định. Ngoài ra, ông Bùi Ngọc Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do, không có người đại diện tham gia phiên tòa nên căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[1]- Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 29/11/2007; bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng TMCP S với ông Bùi Ngọc Đ, Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở xác định ông Đ được Ngân hàng S cấp Thẻ tín dụng quốc tế Visa với hạn mức sử dụng là 12.000.000 đồng. Sau khi cấp thẻ, ông Đ đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 98.012.472 đồng, đã thanh toán cho ngân hàng 124.535.000 đồng, gồm: 14.153.016 đồng tiền phí, 24.889.215 đồng lãi trong hạn và 85.492.769 đồng vốn gốc, còn nợ 12.519.703 đồng vốn gốc. Từ ngày 26/9/2016, ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền vốn và lãi suất cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S dù nguyên đơn đã nhiều lần nhắc nhở. Những sự kiện này, phía bị đơn không phản đối và không chứng minh nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh và không phản đối này. Hội đồng xét xử xét thấy việc giao dịch giữa các bên là có thật và hợp pháp. Ngân hàng TMCP S khởi kiện buộc ông Bùi Ngọc Đ phải thanh toán ngay một lần số tiền còn nợ tính đến ngày 24/01/2019 là 23.973.312 đồng (hai mươi ba triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn ba trăm mười hai đồng), trong đó: Nợ gốc là 12.519.703 đồng, nợ lãi quá hạn là 11.453.609 đồng khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 466, 468 Bộ luật dân sự 2015, điểm c khoản 4 Điều 13 và Điều 20 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động của tổ chức tín dụng nên có cơ sở chấp nhận.

[2]- Theo nội dung án lệ số 08/2016 ngày 17/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì "Đối với các khoản vay của tổ chức tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này…"

[3]- Trong vụ án này, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến

khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Yêu cầu tính lãi chậm thanh toán phát sinh sau khi xét xử của nguyên đơn là phù hợp quy định của pháp luật, Án lệ số 08 ngày 17/10/2016 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Bùi Ngọc Đ phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

[1]- Ông Bùi Ngọc Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

[2]- Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 149, các Điều 429, 463, 465, 466, 468 và Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điểm c khoản 4 Điều 13 và Điều 20 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Án lệ số 08/2016 ngày 17/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S (Ngân hàng S).

1/ Buộc ông Bùi Ngọc Đ phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 23.973.312 đồng (hai mươi ba triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn ba trăm mười hai đồng), trong đó: Nợ gốc là 12.519.703 đồng, nợ lãi quá hạn là 11.453.609 đồng.

Thời hạn thanh toán: Trả ngay một lần khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Bùi Ngọc Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 29/11/2007 giữa Ngân hàng TMCP S và ông Bùi Ngọc Đ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Bùi Ngọc Đ phải chịu 1.198.665 đồng (một triệu chín trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm sáu mươi lăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 517.233 đồng (năm trăm mười bảy nghìn hai trăm ba mươi ba đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0029434 ngày 20/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Bùi Ngọc Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Quận 6;
- CCTHADS Quận 6;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thanh Trúc